

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ di dời mồ mã cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu đất phía Tây Nam cầu Long Vân, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Tờ trình số 103/TTr-TTPTQĐ ngày 07/9/2022 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 770/TTr-STNMT ngày 23/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ di dời mồ mã cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu đất phía Tây Nam cầu Long Vân, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, với một số nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **2.900.847.000 đồng** (Hai tỷ, chín trăm triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 2.843.968.000 đồng.
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 56.879.000 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 5.688.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường (70%) là 3.982.000 đồng).

2. Nguồn vốn chi trả: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K14, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DI DỜI MỜ MÃ CHO MỘT SỐ
HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU ĐẤT PHÍA TÂY
NAM CẦU LONG VÂN, PHƯỜNG TRẦN QUANG DIỆU,
THÀNH PHỐ QUY NHƠN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Chi chú
1	Trần Văn Hồng	Tổ 2, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	7.200.000	
2	Trần Phước Lợi	Tổ 2, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	106.973.000	
3	Nguyễn Văn Tiên	Tổ 3, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	174.403.000	Mộ đôi B6, chôn 2 người
4	Võ Thái Dương	Tổ 2, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	69.604.000	
5	Huỳnh Văn Lộc	Tổ 9, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	56.454.000	
6	Ngô Xuân Hiệp	Tổ 2, khu phố 1, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	94.188.000	
7	Trần Văn Mỹ	Tổ 2, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	29.632.000	
8	Nguyễn Văn Ngời	Tổ 1, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	89.444.000	
9	Nguyễn Bửu Đăng Khoa	Tổ 3, khu phố 1, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	299.119.000	Mộ đôi B5, chỉ chôn 1 người
10	Nguyễn Quốc Dũng	Tổ 5, khu phố 1, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	29.691.000	
11	Đặng Văn Thắng	Tổ 3, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	25.138.000	
12	Nguyễn Thành Tâm	Tổ 3, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	142.675.000	
13	Nguyễn Nghiệp	Tổ 5, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	4.800.000	
14	Nguyễn Văn Nghĩa	Tổ 5, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	2.600.000	
15	Nguyễn Ngọc Sơn	Tổ 1, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	47.400.000	30 mộ cải táng
16	Nguyễn Hữu Tiến	Tổ 2, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	16.800.000	
17	Nguyễn Văn Tiết	Tổ 2, khu phố 1, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	16.017.000	
18	Trần Văn Thành	Tổ 2, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	4.800.000	
19	Huỳnh Thị Tám	Tổ 32, khu phố 6, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	30.687.000	
20	Trần Văn Nguyên	Tổ 2, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	12.000.000	
21	Nguyễn Xuân Tiễn	Tổ 1, khu phố 1, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	4.800.000	

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Chi chú
22	Đặng Thành Liên	Tổ 6, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	2.400.000	
23	Nguyễn Muộn	Tổ 2, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	90.246.000	
24	Đỗ Văn Hón	Tổ 5, khu phố 1, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	13.420.000	
25	Đoàn Thị Mỹ Nhung	Tổ 61, khu phố 7, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	2.400.000	
26	Trần Văn Lộc	Tổ 5, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	78.402.000	
27	Đỗ Văn Tuyển	Tổ 4, khu phố 1, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	313.670.000	mộ đôi B4, chôn 2 người
28	Nguyễn Văn Nghiệp	Tổ 6, khu phố 1, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	89.332.000	
29	Huỳnh Văn Sáng	Tổ 2, khu phố 1, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	21.639.000	
30	Trần Chinh	Tổ 1, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	166.060.000	
31	Nguyễn Văn Sáng	Tổ 1, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	92.002.000	25 mộ cải táng
32	Nguyễn Thị Soái	Tổ 2, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	110.926.000	
33	Phạm Văn Ân	Tổ 3, khu phố 1, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	84.781.000	
34	Lê Đức Giữa	Tổ 3, khu phố 1, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	48.757.000	
35	Nguyễn Năm	Tổ 1, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	160.192.000	
36	Nguyễn Hai	Tổ 2, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	121.113.000	Mộ xây B6
37	Lê Thị Mương	Tổ 2, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	26.556.000	
38	Nguyễn Thành Đô	Tổ 3, khu phố 1, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	26.400.000	
39	Đặng Thành Thân	Tổ 6, khu phố 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	2.400.000	
40	Nguyễn Văn Thuận	Tổ 2, khu phố 1, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	124.047.000	
41	Đặng Văn Thi	Khu phố 1, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	4.800.000	
I	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ		2.843.968.000	
II	Chi phí phục vụ GPMB (I x 2%)		56.879.000	
III	Tổng cộng (I+II)		2.900.847.000	